

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-5-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Kim Giang**
Ông Ninh Quốc Hòa

- Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Giáp** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2022/TLST - HNGĐ ngày 07/3/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Bà Trần Thị H**, sinh năm 1982. Vắng mặt.

*** Bị đơn:** **Ông Nguyễn Quang N**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang N chung sống với nhau vào năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Riềng ngày 02/7/2019.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đánh chửi nhau. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn, ông N thường bỏ nhà đi khoảng 01 tuần đến nửa tháng mới về nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có con chung và do khoảng cách

tuổi tác nên giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà đã cố gắng nhiều lần khuyên nhủ, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Bà được biết hiện tại ông N đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, tình cảm giành cho ông N không còn nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Bà và ông N không có con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có

- *Về nợ chung*: Không có

*** Bị đơn ông Nguyễn Quang N trình bày:** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N thường xuyên không có mặt tại nhà nên Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật. Do ông N không đến Tòa án theo Giấy triệu tập nên Tòa án không lấy được lời khai của ông N.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quang N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn bà Trần Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quang N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Trung huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Quang N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và 2 lần vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn bà H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quang N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 02/7/2019. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không có con chung và do khoảng cách tuổi tác nên giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung với nhau và thường hay xảy ra mâu thuẫn đánh cãi, chửi nhau, ông N hay bỏ nhà đi, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông N thường không có nhà nên Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông N mà phải thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà H và ông N tại địa phương thì được biết bà H và ông N thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã do ông N không tu chí làm ăn, hay chơi bời tụ tập bạn bè và thường xuyên vắng nhà.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà H và ông N không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quang N.

2. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015654 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hải